

Bản án số: 1034/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2025.

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Văn Rời.

2/ Ông Nguyễn Văn Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Quang Thị Thùy Ly – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực X, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 620/2025/TLST-HNGĐ ngày 27/5/2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 387/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 15/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 258/2025/QĐHPT-HNGĐ ngày 29/8/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1987; (có mặt)

Căn cước công dân số: 079187026895, cấp ngày: 10/07/2021.

Địa chỉ: C đường G, ấp R, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay thuộc xã T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1983; (vắng mặt)

Căn cước công dân số: 079083020255, cấp ngày 29/12/2024.

Địa chỉ: C đường G, ấp R, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay thuộc xã T, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Chí T là vợ chồng, tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 154, ngày 12/12/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Vào khoảng năm 2010 cho đến nay cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, không cùng chung chí hướng, thường xuyên gây gổ, xảy ra mâu thuẫn, không cùng bà lo kinh tế gia đình, bỏ bê không quan tâm đến con cái. Nhậu nhẹt, say xỉn về nhà kiêu chuyện

chửi bới bà, đập phá nhà cửa. Cả hai đã nhiều lần cố gắng hòa giải nhưng không tìm được tiếng nói chung. Nay vì cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc như mong muốn, tình cảm vợ chồng không còn như trước. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Chí T.

Về con chung: Bà và ông P có với nhau 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 27/01/2006 (đã trưởng thành) và Nguyễn Hoàng Quốc H1, sinh ngày 05/01/2009. Sau khi ly hôn, bà không yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời bà cũng không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Đơn khởi kiện, bản tự khai, bản chính giấy kết hôn, bản sao: Căn cước công dân, khai sinh con.

Tại phiên tòa:

Bà H trình bày: Tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Chí T. Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 27/01/2006 (đã trưởng thành) và Nguyễn Hoàng Quốc H1, sinh ngày 05/01/2009, giao con chung cho ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời tôi cũng không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã T, thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực X, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Chí T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 154, quyển số 01/005, ngày 12/12/2005 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà H xin ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà H thì mâu thuẫn giữa bà với ông T là trầm trọng và không thể hàn gắn. Cuộc sống vợ chồng của ông bà không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không cùng chung chí hướng, thường xuyên gây gổ, ông T

không lo kinh tế gia đình, bỏ bê không quan tâm đến con cái, nhậu nhẹt, say xỉn về nhà kiếm chuyện chửi bới, đập phá nhà cửa,... Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông T không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 27/01/2006 (đã trưởng thành) và Nguyễn Hoàng Quốc H1, sinh ngày 05/01/2009. Bà H không yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung là trẻ Nguyễn Hoàng Quốc H1, hiện ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H1 và trẻ H1 cũng có nguyện vọng ở với ba nếu cha mẹ ly hôn. Vì lợi ích của con, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao trẻ H1 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Ông T không tham dự phiên tòa và cũng không có ý kiến, yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Bà H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc bà H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Chí T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 154, quyển số 01/005, ngày 12/12/2005 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà H và ông T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 27/01/2006 (đã trưởng thành) và Nguyễn Hoàng Quốc H1, sinh ngày 05/01/2009. Ông

T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là trẻ Nguyễn Hoàng Quốc H1.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu bà H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà H.

4. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Nghĩa vụ dân sự chung: không có.

6. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) buộc bà Nguyễn Thị Thúy H2 phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0064668 ngày 26/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; Bà H2 đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND K VX;
- VKSND TPHCM;
- Phòng THADS K VX;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hùng Vương